

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 207/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24/7/2023

*“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên

Ông Hoàng Sĩ Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 211/2023/HNGĐ-TLST ngày 17/5/2023, về việc *“ Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn ”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 158/2023/QĐ-ST ngày 07 tháng 7 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1983.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn C, xã H, thị xã M, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang ở: Đài Loan.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị L: Luật sư Phan Văn T
– Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Số 87, đường C, phường Th, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn : Anh **Phạm Văn B**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn C, xã H, thị xã M, tỉnh Hải Dương.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà **Đỗ Thị B**, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Thôn C, xã H, thị xã M, tỉnh Hải Dương.

(Chị L, anh B, bà B có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị xét xử vắng mặt (có chứng thực của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc) nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh B tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M (nay là thị xã KM), tỉnh Hải Dương ngày 11/10/2002. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng sống ly thân từ năm 2009, chị thuê nhà ra ở riêng còn anh B ở tại xưởng sửa chữa ô tô của gia đình. Do kinh tế khó khăn, năm 2011 chị sang Đài Loan lao động, vợ chồng thỉnh thoảng có liên lạc để hỏi thăm tình hình học tập của các con, nhưng hai bên không tìm thấy tiếng nói chung. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Về con chung: Chị và anh B có hai con chung là Phạm Chí C, sinh ngày 30/7/2003 và Phạm Trí K, sinh ngày 12/9/2009. Hiện nay cháu C đã trưởng thành, ly hôn chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Cháu K hiện đang ở với bố và bà nội, để ổn định cuộc sống của cháu K, ly hôn chị đồng ý để anh B nuôi con. Chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng có xây dựng một nhà 2,5 tầng trên đất của bố mẹ chồng tại thôn C, xã H, thị xã M, tỉnh Hải Dương. Tổng giá trị xây dựng khoảng 1,1 tỷ đồng. Ly hôn chị không đề nghị Tòa án giải quyết, chị để lại nhà cho các con sử dụng.

Về án phí: Chị L tự nguyện chịu cả án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Chị L hiện đang lao động tại Đài Loan, do không có điều kiện về Việt Nam nên chị đã mời Luật sư Phan Văn T – Văn phòng luật sư Phan Tiên & Công Sự – Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị, đồng thời ủy quyền cho luật sư giao nhận các văn bản tại Tòa án.

Theo đơn ly hôn, chị L trình bày hiện nay anh B đang sinh sống tại thôn C, xã H, thị xã M, tỉnh Hải Dương. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, qua xác minh tại địa phương được biết anh B hiện đang ở nước ngoài, không có mặt tại Việt Nam. Tòa án cũng tiến hành làm việc với bà Đỗ Thị B1 là mẹ đẻ anh B. Bà B1 cung cấp, khoảng tháng 3/2023 anh B đã đi Nhật Bản lao động, địa chỉ ở Nhật Bản bà không biết nên không cung cấp được cho Tòa

án. Tuy nhiên anh B thường xuyên gọi điện thoại về cho gia đình. Mâu thuẫn giữa chị L, anh B xảy ra khoảng năm 2020, nguyên nhân do ở nhà anh B làm ăn bị thua lỗ, chị L sợ chịu trách nhiệm nên đã làm đơn ly hôn. Bà B1 đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh B biết. Thông qua gia đình anh B có quan điểm không đồng ý ly hôn vì các con đang độ tuổi trưởng thành, cần có bố mẹ để dạy B. Trường hợp chị L kiên quyết ly hôn, quan điểm của anh tùy chị L quyết định vì anh không có ở Việt Nam. Về con chung, anh có nguyện vọng được nuôi con Phạm Trí K, trong thời gian không ở Việt Nam anh ủy quyền cho mẹ để chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung không có, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh B đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị B1 trình bày: Bà là mẹ đẻ anh B, từ nhỏ cháu K sống cùng bà, trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn cho chị L và anh B, bà đồng ý nhận ủy quyền của anh B chăm sóc cháu Phạm Trí K trong thời gian anh B không ở Việt Nam, đồng thời bà đề nghị được giải quyết vắng mặt.

- Cháu Phạm Trí K là con chung của chị L, anh B trình bày: Từ nhỏ cháu ở với bà nội, nếu bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với bố. Trong thời gian bố không ở Việt Nam cháu có nguyện vọng được ở với bà nội là bà Đỗ Thị B1.

- Luật sư Phan Văn T là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị L và là người được chị L ủy quyền giao, nhận các văn bản tại Tòa án có quan điểm: Ông đồng ý nhận ủy quyền của chị L, sau khi nhận văn bản tố tụng của Tòa án, ông đã thông tin cho chị L, chị L vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Ông đề nghị được giải quyết vắng mặt và gửi bản luận cứ trình bày quan điểm B vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị L, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị L được ly hôn anh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của chị L, anh B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho

chị L được ly hôn anh B. Về con chung: Giao cháu Phạm Trí K, sinh ngày 12/9/2009 cho anh Phạm Văn B chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh B không ở Việt Nam, tạm giao cháu K cho bà Đỗ Thị B1 chăm sóc, nuôi dưỡng, chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng. Về án phí: chị L phải chịu án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, đề nghị của luật sư và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Văn B đều có hộ khẩu thường trú tại: Thôn C, xã H, thị xã M, tỉnh Hải Dương. Hiện tại chị L đang lao động tại Đài Loan, theo gia đình cung cấp anh B đang lao động tại Nhật Bản. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Quá trình giải quyết vụ án, chị L cung cấp địa chỉ của anh B tại xã H, thị xã M. Tuy nhiên qua xác minh với gia đình được biết anh B đang lao động tại Nhật Bản. Chị L không cung cấp được địa chỉ của anh B. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC – PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân tối cao, Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh B cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Qua xác minh tại gia đình anh B được biết, anh B thường xuyên liên lạc với mẹ đẻ là bà Đỗ Thị B1. Bà B1 đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh B biết. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Do vậy áp dụng công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Anh B có quan điểm ủy quyền cho bà Đỗ Thị B1 chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Trí K trong thời gian anh không ở Việt Nam, bà B1 đồng ý, nên Tòa án xác định bà B1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Các đương sự đều có quan điểm xin được xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện

M (nay là thị xã M), tỉnh Hải Dương ngày 11/10/2002, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm thấy tiếng nói chung. Vợ chồng có thời gian dài sống ly thân, hai bên không quan tâm đến nhau. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn và có đơn xin ly hôn anh B. Thông qua gia đình anh B có quan điểm không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng được đoàn tụ để nuôi dạy các con. Tuy nhiên, anh B không đưa ra được biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng. Theo gia đình cung cấp anh B hiện ở Nhật Bản, chị L ở Đài Loan, hai bên không quan tâm, liên lạc với nhau. Do đó có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị L và anh B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

- *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Văn B có hai con chung là Phạm Chí C, sinh ngày 30/7/2003 và Phạm Trí K, sinh ngày 12/9/2009. Hiện tại cháu C đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết. Đối với cháu K hiện đang ở cùng với bà nội. Ly hôn chị L đồng ý để anh B nuôi con, thông qua gia đình anh B cũng có nguyện vọng được nuôi cháu K. Xét thấy, chị L và anh B đều ở nước ngoài, cháu K ở cùng bà nội từ nhỏ, cháu được chăm sóc, học tập tốt. Do đó, để ổn định cuộc sống của cháu, cần tiếp tục giao cháu K cho anh B chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh B không ở Việt Nam, tạm giao cháu K cho bà Đỗ Thị B1 chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự. Do chị L không trực tiếp nuôi con, nên buộc chị L phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh B là 2.000.000đ/tháng cho đến khi con trưởng thành.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Phạm Văn B.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Trí K, sinh ngày 12/9/2009 cho anh Phạm Văn B chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Trong thời gian anh B không ở Việt Nam, tạm giao cháu K cho bà Đỗ Thị B1 chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị L phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh B là 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 6/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Kể từ khi anh B có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà chị L không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2022/0000181 ngày 17 tháng 5 năm 2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị L còn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L, anh Phạm Văn B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Bà Đỗ Thị B1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THA tỉnh Hải Dương;
- UBND xã H;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền